



gāo zhōng shēng

高中生

noun · high school student

Example Sentences

tā shì yì míng gāo zhōng shēng měi tiān dōu hěn nǚ lì xué xí
他是一名高中生，每天都很努力学习。

He is a high school student and studies hard every day.

zhè suǒ xué xiào de hěn duō gāo zhōng shēng dōu cān jiā le bǐ sài
这所学校的很多高中生都参加了比赛。

Many high school students from this school participated in the competition.

Trace each character, then write the word on your own.

高	高	高	高	高	高	高	高	高	高	高
高	高									
中	中	中	中	中	中	中				
生	生	生	生	生	生	生	生			